TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ- ST
Ngày 15/8/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh.
Ông Nguyễn Xuân Chung.
-***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Trưng- Thư ký Tòa án.
-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà***: Ông Lê Trung K - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Trần Văn K, sinh năm 1987. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C 1, xã LS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤÁN:

Tại đơn xin L hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày: Anh K kết hôn với chị Nguyễn Thị C tháng 11/2009, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện LN. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp tính tình, không đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Chị C đã bỏ về nhà đẻ từ tháng 02/2023 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh nữa. Từ khi chị C bỏ đi anh không gọi về chung sống, bản thân chị C từ khi bỏ đi cũng không quay lại chung sống cùng

anh và các con. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được L hôn chị C theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Anh Q, sinh ngày 28/11/2012 nay hai con đang ở với anh K đời sống được đảm bảo. Nếu vợ chồng phải L hôn anh xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, nếu vợ chồng phải L hôn tôi không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị C kết hôn với anh Trần Văn K tháng 11/2009, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, huyện LN. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp tính tình, không đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 02/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh K xin L hôn chị C hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Anh Q, sinh ngày 28/11/2012 nay hai con đang ở với anh K, đời sống được đảm bảo. Sau khi L hôn chị C đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh K nuôi dưỡng. Nếu anh K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, sau khi L hôn tôi không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị C trình bày do công việc rất bận, không thể đến Tòa án làm việc được. Vì vậy chị C đề nghị tòa án cho chị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc và khi tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án đền ghị HĐXX: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn K được L hôn chị Nguyễn Thị C.

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn K được nuôi 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Anh Q, sinh ngày 28/11/2012. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu án phí L hôn sơ thẩn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn C 1, xã LS, huyện LN. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị C nhưng các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh K và chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 –BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn K và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/11/2009 tại UBND xã LS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh K và chị C đã có thời gian chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hòa hợp tính tình, không đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 02/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh K xin L hôn, chị C nhất trí. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm và tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần giải quyết cho anh Trần Văn K được L hôn chị Nguyễn Thị C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Anh Q, sinh ngày 28/11/2012 nay hai con đang ở với anh K, đời sống được đảm bảo. Sau khi L hôn chị C và anh K đều đề nghị để anh K được nuôi hai con của vợ chồng, cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị C tự nguyện để anh K nuôi con sau khi L hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có yêu cầu gì đối với anh K. Vì vậy, cần giao con cho anh K nuôi 02 con là phù hợp pháp luật. Do anh K không yêu cầu nên chị C không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh K. Chị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất anh K và chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn K phải chịu án phí L hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện VKS ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227- Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

(1) Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn K được L hôn chị Nguyễn Thị C.

(2) Con chung: Giao cho anh Trần Văn K được nuôi 02 con chung của vợ chồng là Trần Khánh L, sinh ngày 14/11/2010 và Trần Anh Q, sinh ngày 28/11/2012. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn K.

Chị Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

(3) Về án phí: Anh Trần Văn K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) án phí L hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014603 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN. (Xác nhận anh K đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm).

(4) Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện LN;
-CCTHADS huyện LN;
-UBND xã LS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Hợp